

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2023/HSST.

Ngày: 07/11/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Sáu – Bí thư đoàn Ủy ban nhân dân xã Minh Hưng.

2. Bà Lê Thị Thận – Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Dương Thế Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2023/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Quốc H**, sinh ngày **08/01/2007**. Tại tỉnh tỉnh Đắk Nông.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã ĐN, huyện B, tỉnh Bình Phước. Số căn cước: Không.
Nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; con ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 17/7/2023 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn 4, xã ĐN, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Bị hại: Ông Pn Đ, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu Hòa Đồng, thị trấn ĐP, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đỗ Văn P, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu HĐ, thị trấn ĐP, huyện B, tỉnh Bình Phước.

+ Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn ĐP, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong ngày 14/4/2023 Phạm Quốc H đến thuê phòng nghỉ tại khu H, thị trấn ĐP. Khoảng 12 giờ 05 phút ngày 14/4/2023, H mượn xe mô tô biển số: 93L1 - 117.17 của anh Đ tại khu nhà nghỉ nêu trên đi mua cơm. Sau khi mua cơm xong, H nảy sinh ý định mang đi cầm lấy tiền tiêu xài nên điều khiển xe đến tiệm cầm đồ của anh Đỗ Văn P cầm xe mô tô biển số 93L1-117.17 lấy 1.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Thấy H không trả lại xe cho mình, nên anh Đ đã trình báo đến Công an thị trấn ĐP. Tại Công an thị trấn ĐP, H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, Công an thị trấn ĐP đã chuyển giao toàn bộ hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B điều tra, xử lý theo luật định.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 40/KL-ĐG ngày 29/5/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện B kết luận: Tại thời điểm xảy ra tội phạm 01 xe mô tô biển số 93L1 - 117.17 có giá trị là 6.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 123/CTr –VKS, ngày 02/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Phạm Quốc H về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Quốc H phạm Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Về hình phạt, đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo 03 tháng 21 ngày tù bằng thời hạn tạm giam. Về trách nhiệm dân sự bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự thương lượng giải quyết xong, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết thêm. Về vật chứng vụ án đã giải quyết xong nên không xem xét; về án phí buộc bị cáo phải chịu theo luật định. Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận về tội danh và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo thống nhất với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận. Bị cáo và người đại diện đều từ chối cử trợ giúp viên pháp lý nhà nước tham gia bào chữa cho bị cáo.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và tội danh và các vấn đề khác. Đã nhận lại tài sản, được hoàn trả số tiền do bị cáo phạm tội, không yêu cầu gì thêm.

Lời nói sau cùng, bị cáo hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo sớm về với gia đình. Người đại diện cho bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và xác định tội danh đối với bị cáo:

Khoảng 12 giờ 05 phút ngày 14/4/2023, bị cáo Phạm Quốc H có hành vi mượn xe mô tô biển số 93L1 - 117.17 của anh Đ đi mua cơm về ăn. Tuy nhiên, sau đó nảy sinh ý định muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo không đem xe về trả cho chủ sở hữu mà đem xe nêu trên đến tiệm cầm đồ của anh Đỗ Văn P cầm cố lấy số tiền 1.000.000 đồng.

Căn cứ lời nhận tội của bị cáo, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi mượn tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó với tổng trị giá là 6.000.000đ của bị cáo Phạm Quốc H đã đủ yếu tố thành Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo được 16 tuổi 02 tháng 27 ngày nên có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người nhưng vì muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng bản thân có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (dương tính với ma túy) là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo lo sợ bị cáo tiếp tục phạm tội trong thời gian điều tra, truy tố nên đề nghị Cơ quan có thẩm quyền thay đổi từ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú bằng hình thức tạm giam.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Thời điểm phạm tội bị cáo chưa thành niên, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật có phần hạn chế

nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự.

Sau khi cân nhắc tính chất mức độ hành vi phạm tội, các giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra. Tuy nhiên, do bị cáo là người chưa thành niên nên cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự để bị cáo không bị ảnh hưởng về việc phát triển tâm sinh lý.

Xét thấy, bị cáo đã bị tạm giam trong một thời gian dài, có đủ thời gian nhận được hành vi của mình là trái quy định, bị cáo đã ăn năn hối cải, người đại diện hợp pháp của bị cáo cũng đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt không cần thiết tiếp tục tạm giam. Vì vậy, không cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao về cho gia đình giáo dục để bị cáo có cơ hội trở thành người có ích cho gia đình và xã hội là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra, truy tố bị hại đã nhận lại tài sản; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đến nay bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà cũng không có yêu cầu gì khác, nên không xem xét xử lý.

[6] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định trả lại xe mô tô biển số: 93L1 - 117.17 cho chủ sở hữu hợp pháp là chị H. Hiện nay không ai có ý kiến và yêu cầu gì thêm. Hội đồng xét xử thấy việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu là đúng quy định nên không đề cập xử lý thêm.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Phạm Quốc H phạm Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Quốc H 03 (ba) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù, bằng thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2023 đến ngày 07/11/2023.

Tuyên trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam trong vụ việc khác.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Quốc H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Công an huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình